

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021*(kèm theo QĐ số 490a/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của UBND xã Chí Minh)**ĐVT: đồng*

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	22,402,235,818	Tổng số chi	22,402,235,818
I- Các khoản thu xã hưởng 100%	1,305,150,875	I- Chi đầu tư phát triển	11,629,944,000
II- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	5,851,781,239	II- Chi thường xuyên	9,619,873,503
III- Thu bổ sung	10,436,458,000	III- Chi chuyển nguồn sang năm sau (nếu	1,152,418,315
`	8,476,224,000	IV- Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
2- Bổ sung có mục tiêu	1,960,234,000		
IV - Thu kết dư ngân sách năm trước			
V- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang (nếu có)	4,808,845,704		
Kết dư ngân sách			

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021
(kèm theo QĐ số 490a/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của UBND xã Chí Minh)

ĐVT: đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN 5=3/1	Thu NSX 6=4/2
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	19,080,224,000	19,080,224,000	22,402,235,818	22,402,235,818	117.41	117.41
I	Các khoản thu 100%	243,000,000	243,000,000	1,305,150,875	1,305,150,875	537.10	537.10
1	Thu phí, lệ phí	65,000,000	65,000,000	149,828,000	149,828,000	230.50	230.50
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu HLCS khác	170,000,000	170,000,000	525,144,661	525,144,661	308.91	308.91
3	Thu phạt, tịch thu theo quy định khác		-	487,903,714	487,903,714		
4	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định		-				
5	Đóng góp của nhân dân theo quy định		-		-		
6	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		-		-		
7	Thu khác	8,000,000	8,000,000	142,274,500	142,274,500	1,778.43	1,778.43
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phân trăm (%)	10,361,000,000	10,361,000,000	5,851,781,239	5,851,781,239	56.48	56.48
1	Các khoản thu phân chia	279,000,000	279,000,000	254,724,884	254,724,884	91.30	91.30
	- Thuê sử dụng đất phi nông nghiệp	18,000,000	18,000,000	24,582,503	24,582,503	136.57	136.57
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	11,000,000	11,000,000	8,300,000	8,300,000	75.45	75.45
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	250,000,000	250,000,000	221,842,381	221,842,381	88.74	88.74
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	10,082,000,000	10,082,000,000	5,597,056,355	5,597,056,355	55.52	55.52
	- Thu tiền sử dụng đất	10,000,000,000	10,000,000,000	5,538,470,231	5,538,470,231	55.38	55.38
	- Thuê thu nhập cá nhân	26,000,000	26,000,000	15,635,303	15,635,303	60.14	60.14
	- Thuê GTGT	56,000,000	56,000,000	42,950,821	42,950,821	76.70	76.70
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyên nguồn			4,808,845,704	4,808,845,704		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		-	-	-		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8,476,224,000	8,476,224,000	10,436,458,000	10,436,458,000	123.13	123.13
	- Thu bổ sung cân đối	8,476,224,000	8,476,224,000	8,476,224,000	8,476,224,000	100.00	100.00
	- Thu bổ sung có mục tiêu		-	1,960,234,000	1,960,234,000		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021
(Kèm theo QĐ số 490a/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của UBND xã Chí Minh)

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	Chi ĐTPT	Chi TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	19,080,224,000	10,000,000,000	9,080,224,000	22,402,235,818	11,629,944,000	10,772,291,818	117.41	116.30	118.63
	Trong đó:									
1	Chi cho giáo dục	5,500,000,000	5,000,000,000	500,000,000	6,110,379,000	5,610,379,000	500,000,000	111.1	112.2	100.00
2	Chi y tế	-			320,237,000	320,237,000				
3	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	66,000,000		66,000,000	-			-		0.00
4	Chi phát thanh, truyền thanh	48,336,000		48,336,000	164,328,893	0	164,328,893	340		339.97
5	Chi thể dục thể thao	20,000,000		20,000,000	5,200,000		5,200,000	26		26.00
6	Chi sự nghiệp kinh tế	4,597,040,000	4,500,000,000	97,040,000	4,831,367,800	4,749,328,000	82,039,800	105	105.5	84.54
7	Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể, An ninh, Quân sự	8,681,848,000	500,000,000	8,181,848,000	9,651,734,810	950,000,000	8,701,734,810	111.2	190.0	106.35
8	Chi sự nghiệp xã hội	167,000,000		167,000,000	166,570,000		166,570,000	99.7		99.74
9	Chi khác	-			-					
10	Chi dự phòng	-			-					
11	Chi chuyển nguồn	-			1,152,418,315		1,152,418,315			
12	Nộp trả ngân sách cấp trên				-					

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021*(Kèm theo Quyết định số 490a/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của UBND xã Chí Minh)**ĐVT: đồng*

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công- hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2021	Giá trị đã thanh toán năm 2021			
			Tổng số	Trong đó: Nguồ n đóng		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
	TỔNG SỐ		37,634,857,000	0	25,425,021,000	11,629,944,000	10,129,944,000	3,268,000,000	0
1	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường THCS Chí Minh, huyện Tứ Kỳ(Điểm trường thôn Tây An)		8,349,959,000		3,950,000,000	3,300,000,000	1,800,000,000	1,500,000,000	
2	Nhà lớp học 1 tầng 5 phòng Trường MN Tây Kỳ	2017	4,702,855,000			500,000,000	500,000,000		
3	Phụ trợ trường mầm non Tây Kỳ	2018	3,073,233,000		3,073,233,000	1,210,379,000	1,210,379,000		
4	Cổng tường rào, khu vs, kho, bếp ăn, nhà để xe và các hạng mục phụ trợ Trạm y tế	2017	1,053,650,000		1,053,650,000	320,237,000	320,237,000		
5	Đường nối từ Đông Kỳ sang trung tâm (đoạn từ WB2 sang nhà bà Lụa)	2020	1,336,900,000		800,000,000	244,119,000	244,119,000		
6	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Chí Minh đoạn từ Cầu Chỗ sông Muồng đến hết khu dân cư thôn Tây An	2020	7,806,902,000		5,860,039,000	1,768,000,000	1,768,000,000	1,768,000,000	
7	Công trình Cống cầu chỗ sông Muồng, xã Đông Kỳ(nay là xã Chí Minh) , huyện Tứ Kỳ; Hạng mục: Cầu và đường hai đầu cầu	2020	5,262,415,000		4,669,006,000	1,510,709,000	1,510,709,000		
8	Cải tạo trụ sở làm việc giai đoạn 1	2020	477,925,000		477,925,000	350,000,000	350,000,000		
9	Cải tạo trụ sở làm việc giai đoạn 2	2020	460,354,000		460,354,000	350,000,000	350,000,000		
10	Cải tạo trụ sở làm việc giai đoạn 3	2020	490,349,000		490,349,000	250,000,000	250,000,000		
11	Cải tạo nâng cấp đường giao thôn xã Chí Minh- huyện Tứ Kỳ(đoạn từ Giếng Sen đi Đồng hóp thôn Nhân Lý)	2020	2,651,185,000		2,651,185,000	1,157,000,000	1,157,000,000		
12	Sân, cổng, tường rào, nhà bảo vệ trường tiểu học(điểm A)	2021	416,069,000		405,706,000	300,000,000	300,000,000		
13	Cải tạo nhà lớp học và nhà để xe trường tiểu học Chí Minh I, huyện Tứ Kỳ (điểm A)	2021	423,068,000		403,581,000	300,000,000	300,000,000		
14	Đường bê tông thôn Nam An xã Đông Kỳ (Công trình: Đường bê tông xi măng đoạn từ ngã tư nhà bà Tuyết thôn Nam An đến đường gom cao tốc Hà Nội - Hải Phòng)	2018	1,129,993,000		1,129,993,000	69,500,000	69,500,000		